

Số: 281 /BC-ĐCM

Cám Phá, ngày 20 tháng 3 năm 2023

## BÁO CÁO

### **Kết quả thực hiện SXKD năm 2022; Kế hoạch SXKD và Đầu tư xây dựng năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông - Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng Cổ đông - Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV, với các nội dung chủ yếu sau:

#### **A. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022.**

##### **I. Các căn cứ thực hiện.**

Công văn số: 6050/TKV-KH ngày 27/12/2021 của TKV về việc Thông báo các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2022;

Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐQT ngày 30/12/2021 của Hội đồng quản trị Công ty thông qua kế hoạch SXKD năm 2022 Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV.

Quyết định số: 1708/QĐ-TKV ngày 15/12/2021 của Hội đồng thành viên TKV về việc Phê duyệt Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2022;

Quyết định số: 1786/TKV-TN ngày 28/12/2021 của TKV về việc Tổ chức thực hiện Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2022 - Nguồn vốn chi phí quản lý điều hành của Công ty mẹ TKV, chi phí sản xuất của các Chi nhánh và chi phí sản xuất của các Công ty cổ phần;

Quyết định số: 181/QĐ-TKV ngày 08/02/2022 của TKV về việc Tổ chức thực hiện Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2022 - Nguồn vốn do các đơn vị Chủ đầu tư tự thu xếp vốn;

Nghị quyết số 451/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV;

Các văn bản hướng dẫn khác của TKV.

##### **II. Kết quả thực hiện.**

###### **1. Đánh giá tình hình thực hiện.**

Quý I/2022 Công ty triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD gặp nhiều khó khăn do quá trình lựa chọn đơn vị tư vấn và thi công theo quy định 702 của TKV mất nhiều thời gian, thiếu việc làm, vì vậy đến tháng 4/2022 Công ty bắt đầu vào thi công, tuy nhiên phải từ tháng 5/2022, 100% các đơn vị, tổ máy của Công ty mới vào thi công, do vậy thời gian thi công ngắn.

Giá cả vật tư nhiều biến động, đặc biệt là giá nhiên liệu tăng cao, chi phí đền bù cao so với giá trị được duyệt, chi phí cứu chữa sự cố các lỗ khoan sâu, địa tầng

phức tạp... làm tăng chi phí sản xuất, trong khi đơn giá thanh toán công tác TDKS, TKV thanh toán cho Công ty là đơn giá cố định, không được bù giá.

Các công trình khoan trên bãi thải dầy, nhiều tầng lò khai thác, địa tầng phức tạp (Mông Dương, Lộ Trí, Suối Lại, Hà Ráng), địa hình núi cao, nhiều lỗ khoan sâu (Mạo Khê, Vàng Danh). Khối lượng khoan thăm dò chuyển từ năm 2021 sang thấp (1.710mk).

Tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, dẫn đến công tác làm đường, nền gặp nhiều khó khăn khi mưa lớn gây dịch động, sạt lở làm mất đường, nền khoan như khu mỏ Lộ Trí, Suối Lại, Núi Béo, ảnh hưởng lớn đến công tác thi công, sửa chữa đường, nền và hoàn nguyên môi trường.

Do ảnh hưởng của dịch Covid19, có thời điểm nhiều công nhân khoan bị nhiễm bệnh phải nghỉ cách ly dài ngày. Trung tâm khoáng nóng phải đóng cửa không hoạt động dịch vụ, người lao động của Trung tâm phải chuyển đến làm việc tại một số đơn vị trong tập đoàn và trở lại hoạt động từ tháng 01/7/2022, cơ sở vật chất xuống cấp làm ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh tại Trung tâm.

Trước tình hình trên, Công ty đã có những giải pháp chỉ đạo quyết liệt, kịp thời thích ứng với tình hình thực tế, chủ động tìm kiếm việc làm đảm bảo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, điều động, bố trí lao động giữa các khối sản xuất, phục vụ phụ trợ cho phù hợp với thực tế thi công, tiết giảm chi phí sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ để tăng năng suất lao động.

Công ty đã tổ chức chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động đặc biệt trong dịp Tết cổ truyền, các chế độ chính sách cho người lao động được Công ty đặc biệt quan tâm, đảm bảo quyền lợi của người lao động trong Công ty theo mặt bằng chung của các đơn vị trong Vùng Cẩm Phả. Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch, công tác chuẩn bị thi công. Trang bị các điều kiện ăn ở cho công nhân tại công trường, tập trung huấn luyện tay nghề, huấn luyện an toàn cho đội ngũ công nhân kỹ thuật vận hành khoan máy địa chất, bảo dưỡng sửa chữa thiết bị khoan, chuẩn bị tốt các vật tư và nguyên liệu phục vụ sản xuất.

## 2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch SXKD năm 2022.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6 = 5/4
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu hiện vật</b>				
	Khoan thăm dò	mét	64.500,0	53.494,1	82,9
	Khảo sát trắc địa	ha	17.300,0	17.745	102,6
<b>2</b>	<b>Giá trị thực hiện</b>	<b>tr.đồng</b>	<b>315.500</b>	<b>330.853</b>	<b>104,9</b>
	Khoan thăm dò	tr.đồng	274.300	274.715	103,5
	Khảo sát trắc địa	"	24.000	24.850	223,8
	Nhiệm vụ Địa chất	"	8.500	19.021	152,1
	Dịch vụ khoáng nóng	"	5.000	7.603	126,1
	SXKD khác	"	3.700	4.664	103,5
<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>tr.đồng</b>	<b>315.500</b>	<b>331.948</b>	<b>105,2</b>

4	<b>Tổng chi phí</b>	<b>tr.đồng</b>	<b>309.250</b>	<b>325.101</b>	<b>105,1</b>
4.1	Chi phí trung gian	"	194.588	207.535	106,7
4.2	Giá trị gia tăng	"	114.662	117.696	102,6
	Khấu hao tài sản	"	12.766	10.697	83,8
	Tiền lương	"	86.927	93.993	108,1
	- Tiền lương SXKD	"	84.313	90.272	107,1
	- Tiền lương viên chức quản lý	"	1.274	1.396	109,6
	- Tiền lương QLVH Miếu Mỏ, khác	"	1.340	2.325	173,5
	BHXX, BHYT, BHTN, KPCĐ	"	13.161	10.988	83,5
	Thuế trong giá thành	"	1.808	2.018	111,6
*	<b>K/chuyển chi phí dở dang (ĐK - CK)</b>	<b>tr.đồng</b>		<b>131</b>	
5	<b>Lợi nhuận</b>	<b>tr.đồng</b>	<b>6.250</b>	<b>6.847</b>	<b>109,6</b>
6	<b>Lao động, tiền lương</b>				
	Tổng quỹ lương	tr.đồng	86.927	93.993	108,1
	Lao động bình quân	người	745	669	89,8
	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/th	9.723	11.708	120,4
	Đơn giá tiền lương	đ/1000đ DT	286,0	286,0	100,0

Về giá trị thực hiện: Năm 2022 chỉ tiêu khối lượng TD giảm, chỉ đạt 82,9% KH, tuy nhiên chỉ tiêu doanh thu tăng là do được TKV điều chỉnh hệ số thanh toán, bên cạnh đó khối lượng các lỗ khoan sâu, qua lò bãi thải nhiều, do đó doanh thu thuần đạt 105,2% KH.

Về chi phí sản xuất: Đơn giá vật tư, đặc biệt là nhiên liệu cho công tác khoan tăng cao so với thời điểm xây dựng kế hoạch (tăng 171,5%), chi phí đền bù cao so với giá trị được duyệt, chi phí cứu chữa sự cố... làm tăng chi phí sản xuất, trong khi đơn giá thanh toán công tác TDKS, TKV thanh toán cho Công ty là đơn giá cố định, không được bù giá, ảnh hưởng đến lợi nhuận, do vậy lợi nhuận của Công ty đạt 109,6% KH.

### III. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ thăm dò khảo sát.

#### 1. Công tác tư vấn.

a. Kết quả thực hiện các phương án/ đề án, báo cáo địa chất:

- Công ty đã thành lập xong Đề án thăm dò mỏ than Vàng Danh. Đang chờ điều chỉnh quy hoạch 403 sẽ trình xin cấp phép thăm dò theo quy hoạch điều chỉnh;

- Các Đề án thăm dò đã được cấp giấy phép (Đề án thăm dò mỏ Hà Lâm, Đề án thăm dò mỏ Suối Lại) Hiện tại Công ty và các đơn vị trong TKV đang triển khai thi công.

- Đã hoàn thành, Bộ TNMT phê duyệt báo cáo Nâng cấp trữ lượng mỏ than Hà Lâm, mỏ than Vàng Danh và đang trình Bộ TNMT thẩm định báo cáo nâng cấp mỏ than Hà Tu.

b. Kết quả thực hiện các phương án thăm dò, báo cáo phục vụ khai thác và các báo cáo chuyên đề:

- Trong năm Công ty đã ký hợp đồng thành lập các phương án thăm dò phục vụ khai thác bao gồm: Phương án TDKT Công ty than Mạo Khê, Vàng Danh, Nam Mẫu, Hòn Gai, Hà Lâm, Núi Béo; Các phương án quan trắc thủy văn, phương án

thành lập bản đồ cơ lý đá với các Công ty than Hòn Gai, Hà Lâm, Nam Mẫu, Núi Béo, Dương Huy, Thống Nhất, Hạ Long, Mông Dương, Khe Chàm...

- Báo cáo kết quả thăm dò phục vụ khai thác 5 năm của Công than hòn Gai. Các báo cáo Tổng hợp đánh giá các hệ thống đứt gãy; Sự tồn tại của vỉa 8a; Báo cáo tổng hợp và tính lại trữ lượng các giấy phép khai thác của Công ty than Vàng Danh; Báo cáo chất lượng than của Công ty than Cao Sơn, Dương Huy...

c. Hoạt động thăm dò khoáng sản ngoài TKV.

Năm 2022 Công ty tiếp tục hợp tác với đơn vị ngoài TKV (Tổng công ty Đông Bắc) thành lập các Đề án thăm dò NCTL mỏ Quảng La - Dân Chủ; mỏ Tây Bắc Ngã Hai. Các phương án thăm dò phục vụ khai thác mỏ Đồng Rì, Quảng Lợi, bản đồ cơ lý đá mỏ Nam Tràng Bạch.... Bước đầu tiến hành khảo sát địa chất tại Cambodia và đã ký kết văn bản thỏa thuận hợp tác lâu dài với đối tác tại Cambodia (Công ty Roli Investment Cambodia Co.,Ltd) về tư vấn và thi công trong lĩnh vực: Khảo sát địa hình, điều tra thăm dò địa chất, khoáng sản, địa chất thủy văn, địa chất công trình và khai thác mỏ.

## **2. Công tác thi công.**

### **2.1. Khoan thăm dò.**

Tổ chức thi công các Đề án/Phương án gồm:

- Đề án TD NCTL khu mỏ Lộ Trí; Đề án thăm dò mỏ than Hà Lâm, Suối Lại, Mạo Khê, Suối Lại (vốn JOMEC), Hà Ráng.

- Phương án thăm dò phục vụ khai thác các mỏ Mông Dương, Lộ Trí, Hòn Gai, Hà Lâm (trên mặt + trong lò), Vàng Danh (trên mặt + trong lò), Mạo Khê, Nam Mẫu (trong lò), Khoan QTTV Núi Béo.

- Phương án khoan tháo nước trong lò mỏ Nam Mẫu, Dương Huy, Uông Bí.

#### **\* Khối lượng:**

<b>Nội dung</b>	<b>Khối lượng (m)</b>	<b>Mẫu lấy (m)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>Tổng khối lượng thực hiện năm 2022</b>	<b>53.494,1</b>		
Trong đó: - Khoan tháo nước	997,0		
- Khoan qua bãi thải	2.563,7		
- Khoan qua lò cũ, trong lò	7.003,2		
- Khoan qua than	2.552,7	2.153,06	84,34
- Khoan qua đá	40.377,5	30.311,39	75,07

### **2.2. Công tác ĐCTV, ĐCCT.**

- Thi công các phương án Quan trắc, đánh giá điều kiện địa chất thủy văn mỏ than Lộ Trí, Quang Hanh, Dương Huy, Hòn Gai, Hạ Long; Quan trắc thủy văn lỗ khoan mỏ than Hà Lâm.

- Thi công các phương án Thành lập bản đồ cơ lý đá mỏ than Khe Chàm, Mông Dương, Hòn Gai, Hạ Long.

### **2.3. Công tác khảo sát, đo đạc địa hình:**

- Thi công Phương án kiểm tra khối lượng mỏ cuối năm 2021 phần dờ dang chuyển sang năm 2022.

- Triển khai thi công các phương án khảo sát địa hình, quan trắc trong lò, quan trắc dịch động bờ mỏ, bãi thải, sân công nghiệp, thành lập lưới khống chế... thuộc các đơn vị sản xuất than, kiểm kê than tồn các đơn vị tuyển than, kho vận và cảng.

Chất lượng thi công: Đảm bảo được yêu cầu kỹ thuật các Đề án/Phương án đã đề ra.

#### **IV. Công tác quản trị chi phí và quản lý lao động:**

**1. Khấu hao TSCĐ:** Được trích vào giá thành sản phẩm theo mức quy định

**2. Công tác quản lý, sử dụng vật tư:**

*2.1. Quy định áp dụng:*

- Thông tư số 11/2010/TT-BTNMT ngày 05/7/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, V/v Ban hành định mức kinh tế - Kỹ thuật các công trình Địa chất.

- Thông tư số 07/2013/TT-BTNMT ngày 07/5/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, V/v Ban hành định mức kinh tế - Kỹ thuật các công trình Địa chất.

- Quyết định số: 1380/QĐ-TM-KHZ ngày 12/6/2007 của TKV, V/v Ban hành định mức tiêu hao vật tư kỹ thuật khoan lấy mẫu bằng công nghệ cấp luân trong các công trình khảo sát thăm dò chuyên ngành than.

- Quyết định số: 1772/QĐ-TKV ngày 01/10/2018 của TKV, V/v Ban hành Bộ định mức, Đơn giá các công trình khảo sát, thăm dò Than và Khoáng sản;

- Quyết định số: 1366/QĐ-ĐCM ngày 30/8/2016, V/v Ban hành định mức vật tư công trình thăm dò Than và Khoáng sản, áp dụng trong nội bộ Công ty CP Địa chất mỏ - TKV.

*2.2. Công tác mua sắm, cấp phát vật tư, quản lý và bảo quản vật tư.*

- Vật tư mua sắm được căn cứ vào nhu cầu thực tế sản xuất, thông qua các hợp đồng mua bán, giá mua cạnh tranh. Quy trình thực hiện theo các quy định của Nhà nước, TKV và của Công ty. Tất cả vật tư mua sắm đều đảm bảo chất lượng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

- Công tác cấp phát và sử dụng vật tư được thực hiện theo định mức và nhu cầu thực tế sản xuất, đồng thời trên nguyên tắc thu cũ, cấp mới.

- Vật tư tại các công trường được sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích theo yêu cầu thực tế của công việc, theo đúng dự toán và thiết kế kỹ thuật đã phê duyệt.

*2.3. Phân tích, đánh giá thực hiện định mức tiêu hao vật tư*

Năm 2022 với việc giá cả vật tư, nhiên liệu đầu vào tăng so với kế hoạch, Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong công tác quản lý, điều hành sản xuất, do đó Công ty đã thực hiện tốt công tác quản trị chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Vật tư khoan chủ yếu được cấp phát sát với định mức tiêu hao, các công trình khoan của Công ty thực hiện trong năm đều hoàn thành nhiệm vụ và cân đối được chi phí giao khoán.

*2.4. Tồn kho vật tư:*

Tồn kho cuối kỳ được Công ty kiểm soát chặt chẽ phù hợp với tình hình, đặc thù của sản xuất và khả năng cung ứng của thị trường, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tỷ lệ tồn kho năm 2022 bằng 2,75% thấp hơn so với quy định 5% của TKV.

### 2.5. Đơn giá vật tư:

- Giá dầu diezen tăng 9.656,8 đ/lít bằng 171,5%, giá trị tăng thêm so với kế hoạch là: 9.596 trđ.

- Giá xăng tăng 6.652,4 đ/lít bằng 138,9%, giá trị tăng thêm so với kế hoạch là: 198 trđ.

- Đơn giá vật tư khoan chủ yếu (là sắt thép) thực hiện năm 2022 tăng bình quân là 6,6%, giá trị tăng thêm so với kế hoạch là: 3.158,6 trđ.

- Dầu mỡ phụ thực hiện năm 2022 tăng bình quân là 146,4%, giá trị tăng thêm so với kế hoạch là: 659,7 trđ.

- Hóa phẩm dung dịch khoan, xi măng thực hiện năm 2022 tăng bình quân là 112%, giá trị tăng thêm so với kế hoạch là: 758,6 trđ....

Đơn giá vật tư chủ yếu tăng cao đã làm tăng chi phí sản xuất của Công ty so với đơn giá kế hoạch là: 14.671,8 trđ.

Nguyên nhân: do giá nhiên liệu và sắt thép trên thế giới tăng cao, ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 làm cho nguồn hàng và chi phí vận chuyển vật tư của Công ty được nhập khẩu từ Trung Quốc, Nga tăng cao hơn so với kế hoạch và các năm trước. Đơn giá một số vật tư khác tăng, giảm nhẹ so với kế hoạch và các năm là do Công ty thay đổi chủng loại của vật tư để đáp ứng nhu cầu thực tế của sản xuất.

### 2.6. Tổng hợp tình hình mua bán, sử dụng vật tư năm 2022:

- Tồn đầu năm 01/01/2022: 3.090 triệu đồng

- Nhập trong kỳ: 146.819 triệu đồng

- Xuất trong kỳ: 145.888 triệu đồng

- Tồn cuối kỳ 31/12/2022: 4.021 triệu đồng

## 3. Công tác quản lý lao động, tiền lương:

### 3.1. Tuyển dụng, sử dụng lao động:

- Công ty căn cứ khối lượng và giá trị được Hội đồng quản trị phê duyệt, trên cơ sở được TKV thông qua và căn cứ định mức lao động, xác định lao động kế hoạch cần sử dụng trong năm để đưa ra kế hoạch tuyển dụng lao động.

- Tình hình tuyển dụng lao động: Tập trung tuyển dụng lao động sản xuất chính là CNKT khoan thăm dò, ngay đầu năm Công ty đã tuyển lao động phổ thông vào làm việc theo hình thức vừa làm, vừa học; Năm 2022 tuyển mới: 28 lao động/46 lao động kế hoạch (Bao gồm: 02 Kỹ sư khoan thăm dò; 01 CĐ du lịch; 02 T/C nghề khoan thăm dò; 01 T/c nghề công nghiệp ô tô; 01 sơ cấp khoan; 01 chứng chỉ xoa bóp và 20 LĐPT) đạt 37 % kế hoạch . Do không tuyển được công nhân khoan

- Sử dụng lao động và chất lượng lao động: Năm 2022, 4 tháng đầu năm do dịch bệnh Covid – 19 kéo dài và cơ chế thay đổi về nguồn vốn của TKV dẫn đến thiếu việc làm, để tháo gỡ khó khăn Công ty tổ chức các lớp học nâng cao trình độ và bồi dưỡng nghề cho công nhân dây chuyền sản xuất chính, điều động công nhân bảo trì bảo dưỡng và sửa chữa các thiết bị khoan để tạo thu nhập, ổn định tư tưởng cho người lao động yên tâm công tác, khi có việc làm với sự lãnh đạo sâu sát của người quản lý và lòng nhiệt tình của người lao động Công ty hoàn thành và vượt 104,9 % giá trị sản xuất thực hiện so với kế hoạch đề ra.

- Công tác tái cơ cấu lao động: Căn cứ tình sản xuất Công ty thực hiện tiết giảm lao động trong năm 2022 là 55 người, đảm bảo số lao động không vượt quá số lao động theo kế hoạch số 6050/TKV – KH ngày 27/12/2021 của Tập đoàn TKV.

- Các giải pháp giữ chân, thu hút lao động có tài năng, có tay nghề, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao: Năm 2022, Công ty đã mở các lớp đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng tay nghề đáp ứng nhu cầu SXKD năm 2022 và những năm tiếp theo.

- Bố trí việc làm cho người lao động.

+ Công ty sắp xếp lao động hợp lý đảm bảo tiền lương một công không thấp hơn mức tiền lương khoán theo kế hoạch.

- Giải quyết chính sách đối với lao động thiếu việc làm, thôi việc: Đã tổ chức rà soát, bố trí, tạo việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động và giải quyết thôi việc cho người lao động theo quy định của Nhà nước Cơ cấu lao động theo từng khu vực như sau:

Chi tiêu	LĐ có mặt đến 31/12/2021 theo CV số 3883/TKV-TCNS	Thực hiện năm 2022				
		LĐ có mặt 01/01/2021	LĐ có mặt 31/12/2021	Tăng (+); giảm (-)	Trong đó	
					Giảm tuyệt đối(ii)	Giảm tương đối (iii)
A	B	1	2	3 = 2-1	4	5
Tổng số	704	665	668	+3		
- Công nghệ	492	458	460	+2		
- Phục trợ	42	43	43			
- Phục vụ	66	61	62	+1		
- HĐ số: 58	12	12	11	-1		
- Quản lý	92	91	92	+1		

### 3.2. Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng của người lao động, người quản lý năm 2022.

#### 3.2.1. Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng của người lao động

a. Việc áp dụng hệ thống thang lương, bảng lương của TKV: Trên cơ sở hệ thống thang lương, bảng lương của TKV, Công ty đã ban hành hệ thống thang lương, bảng lương về chế độ phụ cấp lương theo Quyết định số 369/QĐ – ĐCM ngày 30/3/2020 áp dụng đến tháng 6 năm 2022 và Quyết định số 1354/QĐ- ĐCM ngày 10/11/2022 áp dụng từ 1/7/2022.

b. Việc xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch tạm ứng và giao khoán tiền lương: Thực hiện các thông tư số 27; 28/2016/TT - BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội; văn bản quy định hướng dẫn của TKV về năng suất, định mức... để xác định quỹ tiền lương kế hoạch. Trích lập các quỹ và giao khoán tiền lương cho các đơn vị, người lao động.

c. Việc xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động theo quy định:

- Giá trị thực hiện năm 2022:

+ Giá trị tổng số: 333.025 trđ

+ Giá trị không tham gia tính lương: 12.306 trđ

- + Giá trị tính lương: 320.719 trđ
- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2022: 92.597 trđ. Trong đó:
  - + Quỹ tiền lương tính theo đơn giá là: 90.302trđ
  - + Quỹ tiền lương thực trả cho quản lý, phục vụ tại Miếu mỏ theo HĐ số 58/HĐ/2022/ĐCM – TKV ngày 30/3/2022 của TKV là: 1.344 trđ;
  - + Quỹ tiền lương đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: 951trđ
- d. Giao khoán, bổ sung tiền lương, tiền thưởng và các chế độ theo quy định của nhà nước:

- Giao khoán: Trên cơ sở thông tư, nghị định, các quy chế cơ chế của Công ty ban hành để xây dựng và giao đơn giá khoán tiền lương cho cá nhân, đơn vị sản xuất đảm bảo thu nhập hài hòa giữa các đơn vị và người lao động.

- Về bổ sung tiền lương, chi lương khuyến khích, tiền thưởng, các chế độ cho người lao động: Công ty thực hiện các quy định

### 3.2.2. Tiền lương đối với người quản lý Công ty năm 2022.

- Tình hình xếp lương: Được thực hiện theo quy định tại hệ thống thang lương, bảng lương của Công ty đã ban hành.

- Xây dựng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch: Công ty xây dựng quỹ tiền lương, thù lao cho thành viên người quản lý trên cơ sở Nghị định, thông tư của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của TKV để triển khai thực hiện.

- Tạm ứng, bổ sung tiền lương, thù lao, tiền thưởng: Thực hiện theo quy định.

- Xác định quỹ tiền lương và thù lao gắn với các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.

Căn cứ giá trị và lợi nhuận thực hiện và theo thông tư số 28, quỹ tiền lương của người quản lý: 1.396 trđ.

- Việc trích chuyển tiền lương, thù lao, tiền thưởng: Công ty tạm ứng và quyết toán thù lao, tiền thưởng theo hướng dẫn chuyển thù lao, tiền thưởng cho người đại diện của TKV tại doanh nghiệp theo công văn số 5559/TKV – TCNS ngày 23/10/2018.

### 3.3. Thực hiện năng suất, định mức lao động:

Công ty áp dụng định mức lao động dựa trên phương pháp thống kê thực tế thi công của những năm trước liền kề, căn cứ các quy định, văn bản hướng dẫn của TKV, Nhà nước và hàng năm qua phân tích đánh giá định mức được điều chỉnh tăng từ 1 - 3% và là cơ sở giao khoán đơn giá tiền lương cho các đơn vị.

Công ty thiếu việc làm vào tháng 1 & tháng 2, do đó trong năm 2022 việc thực hiện theo năng suất và định mức không áp dụng mà căn cứ khối lượng, giá trị thực tế thi công năm 2022, cân đối bố trí lao động hợp lý để tạo thu nhập cho người lao động ổn định, yên tâm công tác, giảm thiểu công nhân sản xuất chính tạm hoãn, chấm dứt HĐLĐ.

### 3.4. Thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động:

- Ăn giữa ca: Áp dụng mức 730.000đ/ người/tháng

- Ăn định lượng cho công nhân khoan trong hầm lò: 65.000đ/công



- Phụ cấp đi lại làm việc cho người lao động theo 3 mức: Mức 1: 18.000đ/công; mức 2: 28.000đ/công; mức 3: 38.000đ/công.

- Bồi dưỡng độc hại theo 02 mức: Mức 10.000đ/công, mức 15.000đ/công

- Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Căn cứ hệ thống thang lương, bảng lương TKV Công ty xây dựng thang bảng lương và chủ động sắp xếp điều chỉnh mức lương đóng bảo hiểm cho CBCNV toàn Công ty theo quy định và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do TKV và Nhà nước quy định.

### 3.5. Công tác tuyển sinh, đào tạo:

Công tác tuyển sinh và đào tạo: Căn cứ kế hoạch lao động cần tuyển dụng đã được xây dựng trong kế hoạch phối hợp kinh doanh hàng năm, Công ty thực hiện công tác đào tạo và tuyển dụng lao động.

Kết quả tuyển sinh, tuyển dụng và sử dụng lao động theo bảng sau:

Chỉ tiêu	Tuyển sinh (học sinh)		Biến động (công nhân)				
	KH	Thực hiện	Số đầu năm	Tăng (+)	Giảm (-)	Trong đó: Thôi việc, bỏ việc	Số cuối kỳ
<b>Tổng số</b>	<b>46</b>		<b>665</b>	<b>58</b>	<b>55</b>	<b>48</b>	<b>668</b>
Trong đó:							
- Khoan máy địa chất	35		296	28	44	38	277
- Địa vật lý	1		16				14
- Địa chất	3		46		2	2	44
- Ngành nghề khác	7		307	30	9	8	318

**4. Công tác quản lý chi phí khác:** Chi phí khác gồm nhiều nội dung như công tác phí, điện, điện thoại văn phòng, hội họp, tiếp khách, lãi vay ngân hàng .... được Công ty thực hiện theo nội dung cụ thể và áp dụng các định mức chi phí hợp lý, đảm bảo mức giao khoán hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả.

### V. Công tác đầu tư XDCB:

- Dự án Bảo quản, tu bổ khu di tích lịch sử địa điểm khai thác than đầu tiên của Việt Nam: Năm 2022 đã cùng đơn vị tư vấn thực hiện lập, trình và được UBND thị xã Đông Triều phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh chi tiết 1/500 đảm bảo đúng quy định. (Giá trị thực hiện: 1.323,3 triệu đồng từ nguồn quỹ Phúc lợi TKV). Theo yêu cầu của TKV, toàn bộ các công tác tiếp theo của Dự án sẽ do Ban quản lý chuyên ngành mỏ than - TKV thực hiện.

- Dự án khu nghỉ dưỡng đập nước Đá Chông: UBND tỉnh Quảng Ninh và UBND TP Cẩm Phả đã đồng ý và giao Công ty thực hiện lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng với định hướng phục vụ NLĐ ngành Than và nhân dân với chi phí phù hợp. Hiện tại Công ty đang thực hiện các công tác lập điều chỉnh quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. (Giá trị đã thực hiện: 47,1 triệu đồng).

- Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất:

+ Hoàn thành dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2021 (Dự án chuyển tiếp); giá trị thực hiện: 3.434,2 triệu đồng. Hoàn thành dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022; giá trị thực hiện: 3.577,3 triệu đồng.

+ Tổng giá trị thực hiện năm 2022: 8.381,8trđ/ 9.774,6 trđ KH, đạt tỷ lệ 85,7%.

Đánh giá chung: Đã thực hiện đúng các quy định của nhà nước, các quy chế, quy định của TKV và Công ty; Đảm bảo mục tiêu, hiệu quả đầu tư, đáp ứng được nhu cầu SXKD, phù hợp với khả năng huy động vốn và điều kiện tài chính của Công ty, phù hợp với chiến lược phát triển, quy hoạch của TKV và địa phương và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư.

## **VI. Công tác tiết giảm chi phí.**

Công ty đã ban hành các văn bản khoán, quản trị nhằm tiết giảm chi phí:

- Quyết định số 97/QĐ-ĐCM ngày 28/01/2022 của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc Ban hành đơn giá tiền lương khoán sản phẩm và quỹ tiền lương khoán hoàn thành nhiệm vụ cho các đơn vị năm 2022.

- Chỉ thị số 664/CT-ĐCM ngày 20/6/2022 của Giám đốc Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc Thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí năm 2022.

- Quyết định số 489/QĐ-ĐCM ngày 16/5/2022 của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc Ban hành Quy chế khoán quản trị chi phí sản xuất kinh doanh.

- Quyết định số 770/QĐ-ĐCM ngày 04/7/2022 của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc Ban hành đơn giá khoán chi phí sản xuất tại Trung tâm khoáng nóng địa chất.

- Quyết định số 1331/QĐ-ĐCM ngày 02/11/2022 của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc Ban hành đơn giá khoán chi phí sản xuất cho các đơn vị.

- Các văn bản liên quan đến công tác quản trị chi phí vật tư, lao động tiền lương, tài chính.

Kết quả năm 2022 lợi nhuận của Công ty đạt 6.847 triệu đồng.

Đánh giá: Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế khoán, đơn giá giao khoán, văn bản quản trị chi phí nội bộ kịp thời đảm bảo sát với yêu cầu nhiệm vụ, phù hợp với điều kiện sản xuất, điều kiện kỹ thuật, máy móc thiết bị, an toàn VSLĐ... Công tác khoán chi phí đã phát huy tính tự quản, tiết kiệm chi phí ở các công đoạn sản xuất, nâng cao hiệu quả SXKD, năm 2022 nhìn chung các đơn vị nhận khoán đã thực hiện đảm bảo theo định mức, đơn giá giao khoán.

## **B. Kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư XDCB năm 2023.**

### **I. Căn cứ thực hiện:**

Công văn số: 79/TKV-KH ngày 10/01/2023 của TKV về việc Thông báo các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2023;

Quyết định số 1934/QĐ-TKV ngày 12/12/2022 của Hội đồng thành viên TKV về việc Phê duyệt Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2023;

Quyết định số 2072/QĐ-TKV ngày 30/12/2022 của TKV về việc Tổ chức thực hiện Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2023;

Công văn số 229/TKV-ĐT ngày 18/01/2023 của TKV về việc thông báo kế hoạch đầu tư năm 2023;

Công văn số 781/TKV-ĐT ngày 28/02/2023 của TKV về việc thông báo điều chỉnh chuyên bước kế hoạch đầu tư năm 2023;

Công văn số 781/TKV-ĐT ngày 28/02/2023 của TKV về việc thông báo điều chỉnh chuyên bước kế hoạch đầu tư năm 2023;

Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐQT ngày 16/02/2023 của Hội đồng quản trị Công ty thông qua Kế hoạch điều hành SXKD năm 2023 Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV;

Các văn bản có liên quan khác phục vụ công tác quản lý, điều hành chung trong Công ty.

## II. Kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư XDCB năm 2023

### 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Chỉ tiêu kế hoạch	Ghi chú
1	2	3	4	5
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>tr.đ</b>	<b>320 000</b>	
	Doanh thu Địa chất	"	306 300	
	Doanh thu dịch vụ và du lịch Địa chất, khác	"	13 700	
<b>2</b>	<b>Giá trị sản xuất</b>	"	<b>320 000</b>	
	Giá trị sản xuất tính lương	"	<b>298 400</b>	
<b>3</b>	<b>Tổng chi phí</b>	"	<b>313 650</b>	
3.1	Chi phí trung gian	"	201 099	
3.2	Giá trị gia tăng	"	112 551	
	- Khấu hao TSCĐ	"	10 703	
	- Tiền lương	"	88 283	
	+ Tiền lương sản xuất kinh doanh	"	85 023	
	+ Tiền lương người quản lý	"	1 593	
	+ Tiền lương QLVH Miếu mỏ, khác	"	1 667	
	- Bảo hiểm XH, YT, Kinh phí CD	"	12 286	
	- Thuế (trong giá thành)	"	1 279	
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>6 350</b>	
	<i>Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu</i>	%	6	
<b>5</b>	<b>Các chỉ tiêu hướng dẫn về lao động tiền lương</b>			
	- Lao động bình quân	người	720	
	- Tiền lương bình quân	1000đ/ng.th	10 218	
	- Đơn giá tiền lương	đ/1000đ GTSX	285	
<b>6</b>	<b>Cổ tức</b>	<b>%VĐL</b>	<b>≥2</b>	
<b>7</b>	<b>Nộp ngân sách</b>	<b>Theo quy định hiện hành</b>		

2. Kế hoạch đầu tư XDCB năm 2023.

TT	Danh mục	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	ĐVT	Khối lượng	Tổng số	Cơ cấu vốn đầu tư trực tiếp			Nguồn vốn				
							Xây dựng	Thiết bị	Chi phí tư vấn và khác	Vay thương mại	Vốn KHTSCĐ	TKV	Đơn vị	Huy động khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng số (A+B+C)		15.924			15.924	-	8.892	7.032	-	15.924	-	-	
A	TRẢ NỢ KHỐI LƯỢNG NĂM TRƯỚC													
B	KẾ HOẠCH 2023					15.399		9.228	6.171		15.399			
B1	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN													
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP													
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI					9.277		9.227,72	49,31		9.277			
1	Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2023	2023	9,277			9,277		9,227,72	49,31		9,277			
1.1	Máy khoan trên mặt (khoan đến chiều sâu 1.200m)			Bộ	2	3.902,80		3.902,8			3.902,8			
1.2	Xe ô tô tải tự đổ ben			Xe	1	1.672,00		1.672,0			1.672,0			
1.3	Cân phân tích điện tử			Cái	1	105,00		105,0			105,0			
1.4	Tủ sấy đổi lưu điều chỉnh			Bộ	1	127,00		127,0			127,0			
1.5	Ông đơ thăm dò điện trong lỗ khoan			Bộ	1	485,62		485,62			485,62			
1.6	Máy in phun màu Ao			Cái	1	165,0		165,0			165,0			
1.7	Nâng cấp phần mềm VMG 5.0			Bộ	1	336,0		336,0			336,0			
1.8	Màn hình Led sân khấu hội trường			Bộ	1	357,5		357,5			357,5			
1.9	Hệ thống âm thanh, đèn chiếu sáng sân khấu Hội trường			Bộ	1	121,0		121,0			121,0			
1.10	Máy tháo lắp cần khoan			Bộ	10	1.342,0		1.342,0			1.342,0			
1.11	Thùng trộn dung dịch			Cái	5	387,75		387,75			387,75			



### **III. Các giải pháp thực hiện.**

1. Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao ý thức, trách nhiệm của người lao động trong công tác phòng chống dịch; thực hiện có hiệu quả chiến lược tổng thể, thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát dịch covid-19, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ SXKD năm 2023.
2. Bám sát kế hoạch thăm dò khảo sát của Tập đoàn và các đơn vị sản xuất than, tích cực triển khai chuẩn bị nhiệm vụ, đẩy mạnh tìm kiếm, chuẩn bị đủ việc làm cho người lao động. Xây dựng và giao kế hoạch thi công cụ thể, sát với thực tế cho các đơn vị hàng tháng, quý và điều hành thi công theo kế hoạch đã xây dựng.
3. Thực hiện nghiêm túc kỷ luật điều hành, các quy định của tập đoàn và cấp trên. Nâng cao vai trò người đứng đầu, chủ động giải quyết công việc theo thẩm quyền, tự chịu trách nhiệm với công việc được giao.
4. Triển khai hiệu quả các Đề án, phương án đã được cấp giấy phép thăm dò, các phương án khoan thăm dò phục vụ sản xuất, phương án chuyên đề. (Chất lượng than, Cơ lý đá, ĐCTV, ĐCCT, khoan trong hầm lò...)
5. Chủ động đẩy mạnh tìm kiếm việc làm, nâng cao chất lượng dịch vụ dịch vụ kỹ thuật (địa chất, trắc địa, ĐCTV-ĐCCT, địa vật lý), phát huy tốt dịch vụ tại trung tâm khoáng nóng địa chất.
6. Triển khai có hiệu quả công cụ KPIs để trả lương đối với tất cả các đơn vị trong Công ty. Chương trình tin học hóa trong quản lý, tư vấn kỹ thuật. Tự động hóa trong các vị trí, dây truyền sản xuất để nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm. Tiếp tục đầu tư nâng cấp phần mềm địa chất, quản trị tài nguyên, các đề tài nghiên cứu khoa học.
7. Tăng cường quản lý kỹ thuật, tập trung chỉ đạo thi công, nâng cao chất lượng, hiệu quả các lỗ khoan sâu, khoan trong vùng địa tầng phức tạp, bãi thải dày, nhiều tầng lò khai thác, khoan trong lò.
8. Chỉ đạo đồng bộ công tác an toàn trong các khâu sản xuất, thực hiện công tác an toàn bảo hộ lao động gắn liền với phát triển sản xuất và năng suất lao động, thực hiện nghiêm các quy định về công tác an toàn BHLĐ.
9. Thực hiện công tác đầu tư, bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch đối với máy móc thiết bị nhằm duy trì sự ổn định vận hành sản xuất đảm bảo an toàn, năng suất thiết bị.
10. Áp dụng các cơ chế, quy chế, giải pháp đồng bộ trong điều hành và quản trị chi phí, quản lý vật tư, sử dụng máy móc, thiết bị, nhân lực, tiền vốn và các yếu tố đầu vào sản xuất.
11. Thực hiện nhiệm vụ đầu tư theo kế hoạch Tập đoàn thông qua, đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định, phù hợp với chiến lược phát triển, quy hoạch của ngành Than và địa phương, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, hiệu quả đầu tư.
12. Quan tâm, chăm lo đời sống người lao động, phát triển nguồn nhân lực, làm tốt công tác Quốc phòng - quân sự địa phương.
13. Tăng cường hiệu quả công tác quản trị, tiết giảm chi phí; cải cách theo hướng tăng tiền lương và thu nhập cho người lao động.

14. Thực hiện tốt quy chế thi đua khen thưởng, ưu tiên khuyến khích lực lượng trực tiếp sản xuất để phát triển phong trào thi đua. Phát động các phong trào thi đua lao động chào mừng 65 năm ngày thành lập Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông - Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV những nội dung cơ bản trên.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ Công ty;

- Lưu: Vthư, KHĐT, Thư ký Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Văn Khấn**